

Số: 09 /2019/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 17 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007;*

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 27/6/2019 và thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Nội vụ;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PC UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- BLĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC. 124

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09 /2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Ấp, khóm

1. Ấp được tổ chức ở xã; dưới xã là ấp.
2. Khóm được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là khóm.
3. Ấp, khóm không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ấp, khóm

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cấp xã.
2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước, quy ước; đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.
3. Không chia tách các ấp, khóm đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các ấp, khóm phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương và đúng tiêu chí quy định.
4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập ấp, khóm mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập ấp, khóm mới thì ghép cụm dân cư vào ấp, khóm liền kề.

**CHƯƠNG II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ẤP, KHÓM**

Điều 4. Tổ chức của ấp, khóm

Mỗi ấp, khóm có Trưởng Ban nhân dân. Trong trường hợp cần thiết, thì có thể có 01 Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

Điều 5. Nội dung hoạt động của ấp, khóm

1. Cộng đồng dân cư ở ấp, khóm được tham gia bàn và quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã và ấp, khóm do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan thẩm quyền quyết định về các công việc của ấp, khóm và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của ấp, khóm; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban nhân dân ấp, khóm.

Điều 6. Hội nghị ấp, khóm

1. Hội nghị ấp, khóm được tổ chức một năm 02 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần thiết có thể họp bất thường. Thành phần Hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp, khóm. Hội nghị do Trưởng ban nhân dân ấp, khóm triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp, khóm tham dự.

2. Việc tổ chức để Nhân dân tham gia bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập ấp, khóm mới

1. Việc thành lập ấp, khóm mới phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình

- Đối với ấp có từ 350 hộ gia đình trở lên.
- Đối với ấp ở xã đảo có từ 100 hộ gia đình trở lên.
- Đối với khóm có từ 400 hộ gia đình trở lên.
- Đối với khóm thuộc thị trấn đảo có từ 150 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác

Ấp, khóm cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với trường hợp đặc thù

Ấp, khóm nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, ấp hình thành do di dân ở vùng sâu, vùng xa, ấp nằm ở nơi có địa hình chia cắt phức tạp; ấp ở cù lao, cồn trên sông; ấp có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô ấp có từ 50 hộ gia đình trở lên; khóm có từ 100 hộ gia đình trở lên.

Điều 8. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên ấp, khóm

1. Trường hợp sáp nhập ấp, khóm

a) Đối với ấp, khóm có quy mô hộ gia đình dưới 50% quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy chế này thì phải sáp nhập với ấp, khóm liền kề.

b) Đối với ấp, khóm đạt từ 50% quy mô số hộ gia đình trở lên theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy chế này ở những nơi có đủ điều kiện thì thực hiện sáp nhập.

c) Trong quá trình sáp nhập ấp, khóm cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư tại địa phương.

d) Đề án sáp nhập ấp, khóm phải được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của từng ấp, khóm sáp nhập tán thành.

2. Trường hợp giải thể ấp, khóm do Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tên của ấp, khóm do thành lập mới hoặc sáp nhập không được trùng với tên của ấp, khóm hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

4. Việc đổi tên ấp, khóm được thực hiện theo nguyện vọng của Nhân dân sinh sống tại ấp, khóm.

Điều 9. Phân loại ấp, khóm

1. Mục đích chính của việc phân loại ấp, khóm là nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dân cư, thực hiện chính sách phù hợp với thực tế địa phương.

2. Ấp, khóm được phân thành 03 loại như sau:

a) Ấp, khóm loại I.

b) Ấp, khóm loại II.

c) Ấp, khóm loại III.

3. Tiêu chí phân loại ấp, khóm

a) Quy mô hộ gia đình.

b) Diện tích.

c) Các yếu tố đặc thù.

4. Cách tính điểm tiêu chí phân loại

a) Điểm quy mô hộ gia đình.

- Ấp từ 150 hộ trở xuống được tính 20 điểm; trên 150 hộ, cứ tăng thêm 50 hộ được tính 05 điểm, nhưng tổng điểm tối đa không quá 45 điểm.

- Khóm từ 200 hộ trở xuống được tính 20 điểm; trên 200 hộ, cứ tăng thêm 50 hộ được tính 05 điểm, nhưng tối đa không quá 45 điểm.

b) Điểm quy mô diện tích

Ấp có diện tích tự nhiên từ 200ha trở xuống tính 15 điểm; trên 200ha, cứ tăng 50 ha được tính thêm 05 điểm, nhưng tổng điểm tối đa không quá 30 điểm.

Khóm có diện tích tự nhiên từ 50ha trở xuống tính 15 điểm; trên 50ha, cứ tăng 10 ha được tính thêm 05 điểm, nhưng tổng điểm tối đa không quá 30 điểm.

c) Các yếu tố đặc thù

- Ấp, khóm được công nhận đạt chuẩn ấp, khóm văn hóa được tính 10 điểm.

- Ấp, khóm có tỷ lệ dân tộc thiểu số trên 30% được tính 05 điểm.

- Ấp, khóm đặc biệt khó khăn hoặc ấp, khóm của các xã thuộc địa bàn khó khăn vùng dân tộc thiểu số; của các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được tính 10 điểm.

5. Đối với ấp, khóm thuộc xã đảo, thị trấn đảo, ấp, khóm cù lao

Tiêu chí quy mô hộ gia đình và diện tích áp dụng mức 30% của ấp, khóm quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều này.

6. Khung điểm phân loại

a) Ấp, khóm loại I có từ 70 điểm trở lên.

b) Ấp, khóm loại II có từ 50 đến dưới 70 điểm.

c) Ấp, khóm loại III có dưới 50 điểm.

7. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ phân loại ấp, khóm thuộc phạm vi quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ cấp huyện).

Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Bảng tổng hợp số liệu tiêu chuẩn phân loại. Số liệu dùng tính điểm tiêu chí phân loại được tính đến ngày 31/12 của năm trước liền kề năm phân loại.

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến, Cơ quan Tổ chức - Nội vụ cấp huyện tổng hợp hồ sơ, biểu mẫu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại ấp, khóm.

8. Điều chỉnh việc phân loại ấp, khóm.

a) Sau 03 năm kể từ ngày cấp thẩm quyền quyết định phân loại ấp, khóm có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ) xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh phân loại ấp, khóm đối với những ấp, khóm có sự biến động lớn về tiêu chí phân loại.

b) Các ấp, khóm sau khi được điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách, sáp nhập để thành lập ấp, khóm mới hoặc ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có theo quyết định của cấp có thẩm quyền phải được tiến hành phân loại ấp, khóm theo quy định tại Điều này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập ấp, khóm mới

1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương; căn cứ quy định tại Điều 7 Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xin chủ trương thành lập ấp, khóm mới. Sau khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập ấp, khóm mới, gồm những nội dung chủ yếu sau:

- a) Sự cần thiết thành lập ấp, khóm mới.
- b) Tên gọi của ấp, khóm mới.
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của ấp, khóm mới.
- d) Các điều kiện khác quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Quy chế này.
- e) Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập ấp, khóm mới về Đề án thành lập ấp, khóm mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập ấp, khóm mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập ấp, khóm mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyên đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập ấp, khóm mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và Đề án, hồ sơ thành lập ấp, khóm mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, ban hành Nghị quyết thành lập ấp, khóm mới.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên ấp, khóm

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập ấp, khóm được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập ấp, khóm mới quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Chuyển ấp thành khóm trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã:

Căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển ấp thành khóm thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể ấp, khóm

Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh lập Tờ trình kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc ấp, khóm liên quan trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giải thể ấp, khóm.

4. Việc đặt tên, đổi tên ấp, khóm

a) Việc đặt tên ấp, khóm được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập ấp, khóm mới, sáp nhập ấp, khóm.

b) Việc đổi tên ấp, khóm thực hiện theo các bước sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên ấp, khóm (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên ấp, khóm; tên của ấp, khóm sau khi đổi tên...) và tổ chức lấy ý kiến toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp, khóm, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến;

- Phương án đổi tên ấp, khóm nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên ấp, khóm; trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên ấp, khóm.

Điều 12. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy chế này thì sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có;

b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của ấp, khóm sau khi ghép;

c) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và ấp, khóm hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có.

CHƯƠNG III **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TIÊU CHUẨN** **TRƯỞNG BAN NHÂN DÂN ẤP, KHÓM**

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

1. Nhiệm vụ

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị ấp, khóm; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi ấp, khóm đã được Nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của ấp, khóm theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;

b) Vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của ấp, khóm đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân trong ấp, khóm. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong ấp, khóm.

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân trong ấp, khóm bàn và quyết định trực tiếp những công việc của ấp, khóm; lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân trong ấp, khóm bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở ấp, khóm để vận động Nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động;

e) Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị ấp, khóm.

2. Quyền hạn

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong ấp, khóm đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị ấp, khóm thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp;

b) Được phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm; được chính quyền cấp trên mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của ấp, khóm; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của ấp, khóm.

Điều 14. Tiêu chuẩn Trưởng ban, Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

Tiêu chuẩn Trưởng ban, Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm phải đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

1. Phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở ấp, khóm.

2. Có sức khỏe tốt.

3. Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. Đối với các ấp, khóm đặc biệt khó khăn hoặc ấp, khóm của các xã thuộc địa bàn khó khăn vùng dân tộc thiểu số; của các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và xã đảo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì có thể hạ xuống một bậc về trình độ học vấn.

4. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, năng động, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc của cấp trên giao, vận động và hướng dẫn Nhân dân phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn ấp, khóm.

Điều 15. Chế độ, chính sách đối với Trưởng ban, Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

1. Chế độ, chính sách đối với Trưởng ban, Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương và của tỉnh.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm, thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV
QUY TRÌNH BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM
TRƯỞNG BAN NHÂN DÂN ẤP, KHÓM

MỤC 1
QUY TRÌNH BẦU CỬ TRƯỞNG BAN NHÂN DÂN ẤP, KHÓM

Điều 16. Quy trình bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm kết hợp tại Hội nghị ấp, khóm

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 9 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 17. Quy trình bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm khi tổ chức thành cuộc bầu cử riêng

1. Công tác chuẩn bị bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

a) Chậm nhất 25 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm tổ chức hội nghị Ban công tác Mặt trận dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, báo cáo kết quả với Chi ủy Chi bộ hoặc Cấp ủy cấp xã (nơi chưa có chi bộ ấp, khóm) để thống nhất danh sách người ứng cử (có số dư ít nhất 01 người), trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã công bố danh sách những người ứng cử.

c) Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm; Thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức chính trị - xã hội và đại diện cử tri ấp, khóm); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm. Các quyết định này phải được thông báo đến Nhân dân ở ấp, khóm chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

d) Đối với việc tự ứng cử

Cử tri trong ấp, khóm có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền làm đơn tự ứng cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm. Hồ sơ ứng cử gửi cho Ban Công tác Mặt trận chậm nhất là 09 ngày trước ngày bầu cử.

Chậm nhất là 07 ngày trước ngày bầu cử, Ban công tác Mặt trận ấp, khóm lập danh sách chính thức những người ứng cử trình Ủy ban nhân dân cấp xã công bố. Danh sách những người ứng cử niêm yết tại khu vực bỏ phiếu và những nơi công cộng trong ấp, khóm chậm nhất là 03 ngày trước ngày bầu cử.

đ) Niêm yết danh sách cử tri và phát thẻ cử tri

Danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bầu Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm do Ủy ban nhân dân cấp xã lập, công bố theo danh sách do Tổ bầu cử hoặc Ban Công tác Mặt trận lập theo khu vực bỏ phiếu, được niêm yết tại địa

điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong ấp, khóm chậm nhất 05 ngày trước ngày bầu cử. Thẻ cử tri được phát cho cử tri chậm nhất 03 ngày trước ngày bầu cử.

e) Hình thức bầu Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

Việc bầu Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.

g) Hồ sơ người ứng cử hoặc tự ứng cử

Hồ sơ của người ứng cử hoặc tự ứng cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tổ chức bầu cử

a) Ngày bầu cử: Thời điểm tổ chức bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm được thực hiện thống nhất vào ngày Chủ nhật, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ngày cụ thể để tổ chức bầu cử trong tỉnh.

b) Giờ khai mạc bầu cử: Tùy tình hình thực tế tại địa phương, Tổ bầu cử có thể bắt đầu cuộc bỏ phiếu sớm hơn, nhưng không được bắt đầu trước 05 giờ sáng và kết thúc muộn hơn, nhưng không quá 17 giờ chiều.

c) Việc bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm được thực hiện theo trình tự sau đây:

- Tổ trưởng Tổ bầu cử đọc lời khai mạc và các văn bản: Quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử mời đại diện cử tri kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cử tri tại địa điểm bỏ phiếu.

- Sau khi đại diện cử tri kiểm tra xong thùng phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu. Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong thùng phiếu và giấy tờ có liên quan đến việc bầu cử, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Việc kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và kết quả bầu cử

a) Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện 02 cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại địa điểm bỏ phiếu, để chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập Biên bản kiểm phiếu và kết quả bầu cử. Biên bản kiểm phiếu và kết quả bầu cử phải ghi rõ: Tổng số cử tri ghi trong danh sách của ấp, khóm; số cử tri tham gia bỏ phiếu; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ phiếu bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số phiếu hợp lệ.

Người trúng cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ.

Biên bản kiểm phiếu và kết quả bầu cử lập thành 03 bản, có chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký và 02 cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu.

b) Tổ trưởng Tổ bầu cử trình Biên bản kiểm phiếu và kết quả bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm (kèm theo các tài liệu kiểm phiếu...) gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

c) Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ tại Tổ bầu cử đó, thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm lâm thời để điều hành hoạt động của ấp, khóm cho đến khi bầu được Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới. Quy trình bầu Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 của Quy chế này. Trường hợp đặc biệt không thể tổ chức bầu cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới trong thời hạn nêu trên thì Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến.

Điều 18. Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

Sau khi thống nhất nhân sự với Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp, khóm, Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

Điều 19. Nhiệm kỳ của Trưởng ban, Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

1. Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm có nhiệm kỳ là năm năm (05 năm), tính từ ngày bầu cử thống nhất trong toàn tỉnh.

Trường hợp thành lập ấp, khóm mới hoặc khuyết Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm lâm thời để điều hành hoạt động của ấp, khóm cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của ấp, khóm bầu được Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm lâm thời.

2. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

MỤC 2

QUY TRÌNH MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG BAN NHÂN DÂN ẤP, KHÓM

Điều 20. Quy trình miễn nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

1. Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

2. Trình tự, hồ sơ thủ tục tổ chức việc miễn nhiệm

a) Người xin miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm được điều động làm công tác khác, thì không cần có đơn xin miễn nhiệm.

b) Việc miễn nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm được thực hiện tại Hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở ấp, khóm. Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm chủ trì hội nghị miễn nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

Hội nghị miễn nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp, khóm tham dự.

c) Trình tự hội nghị miễn nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

- Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị.

- Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm.

- Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

- Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người để làm nhiệm vụ.

- Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn ấp, khóm tán thành việc miễn nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm thì Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, miễn nhiệm.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm lâm thời để điều hành hoạt động của ấp, khóm cho đến khi bầu được Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm, thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm. Quy trình bầu Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 của Quy chế này.

Điều 21. Quy trình bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

1. Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm khi không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp, khóm kiến nghị.

Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc của ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp, khóm kiến nghị, thì Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp, khóm để xem xét, bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm chủ trì hội nghị bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

Hội nghị bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp, khóm tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị, Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không biểu quyết.

2. Trình tự hội nghị bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

a) Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị.

b) Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó, nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến

d) Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người để làm nhiệm vụ.

Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn ấp, khóm tán thành việc bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, thì Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm lập biên bản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm của Trưởng Ban công tác Mặt trận ấp, khóm, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cử Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm lâm thời để điều hành hoạt động của ấp, khóm cho đến khi bầu được Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm.

Điều 22. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm do ngân sách cấp xã đảm bảo.

**CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

2. Sở Nội vụ

a) Thẩm định việc thành lập, sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên ấp, khóm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

b) Theo dõi việc thực hiện các quy định của Quy chế này.

c) Đơn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện Quy chế này.

d) Tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào ấp, khóm hiện có sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua.

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

c) Tháng 11 hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về việc thực hiện Quy chế này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng ban nhân dân ấp, khóm trên địa bàn đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

